

## VN-Index tăng 0,4%

Ngày báo cáo 5/6/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích  
[research@vietcap.com.vn](mailto:research@vietcap.com.vn)  
 +8428 3914 3588

### Điểm nhấn thị trường

#### VN-Index tăng 0,4%

VN-Index tăng 0,4% (+7,4 điểm) vào thứ Sáu, chốt phiên tại mức 1.838,9 điểm. Đà tăng mạnh ở các cổ phiếu Bất động sản lớn đã thúc đẩy thị trường tăng điểm, bù đắp đáng kể cho áp lực điều chỉnh diện rộng nhưng ở mức độ nhẹ của nhóm ngành Ngân hàng và Công nghiệp. Toàn sản ghi nhận 95 mã tăng, 203 mã giảm và 64 mã đi ngang. Tổng giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên trước đó, đạt 13,8 nghìn tỷ đồng.

- Trong ngành Bất động sản, các mã cổ phiếu lớn dẫn dắt động lực tích cực của phiên hôm nay khi VIC (+3,4%) và VHM (+1,3%) ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ, đồng thời VRE (+0,3%) cũng đóng cửa ở mức cao hơn. Ở chiều ngược lại, NVL (-2,2%), BCM (-1,3%) và KBC (-1,7%) sụt giảm.
- Ngành Ngân hàng có diễn biến kém khả quan khi các mã lớn của thị trường như VCB (-0,8%) và BID (-1,5%) suy yếu cùng với CTG (-0,6%), VPB (-0,2%), LPB (-1,7%), ACB (-0,4%) và STB (-0,9%). Trái lại, TCB (+0,8%) và HDB (+0,2%) tăng điểm, trong khi MBB (+0,0%) kết thúc phiên tại mức giá tham chiếu.
- Nhóm ngành Công nghiệp ghi nhận diễn biến nhìn chung khá trầm lắng khi GEE (-1,9%), GEX (-2,3%) và VGC (-1,7%) chịu sắc đỏ, trong khi GMD (+0,1%) nhích tăng nhẹ và GEL (+0,0%) đóng cửa không đổi.
- Các cổ phiếu ngành Dịch vụ Tài chính chịu áp lực giảm điểm, khi TCX (-1,2%), VND (-1,1%), HCM (-1,3%) và SSI (-0,4%) cùng đi xuống.
- Những diễn biến đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm mức tăng trần 7,0% từ cổ phiếu ngành Dịch vụ tiêu dùng VJC, cùng với mã khác cùng ngành là VPL (+0,9%) cũng tăng điểm trong khi MWG (-0,5%) sụt giảm. Trong nhóm Hàng tiêu dùng, MSN (-1,2%), VNM (-0,3%) và MCH (-0,8%) ghi nhận các mức giảm. Doanh nghiệp ngành Tiện ích GAS (-0,2%), các cổ phiếu ngành Nguyên vật liệu HPG (-0,8%) và GVR (-1,6%), cùng cổ phiếu đầu ngành Công nghệ FPT (-1,4%) cũng có xu hướng đi xuống. Trong nhóm Dầu khí, BSR (-1,4%) giảm điểm trong khi PLX (+0,4%) tăng trưởng.

### Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	<b>1838,9</b>	<b>293,8</b>	<b>125,1</b>
% Δ	0,4%	-3,6%	-0,6%
- % Δ 1 tuần	-1,3%	-0,4%	-0,1%
- % YTD	3,0%	17,3%	3,6%
- % YOY	37,0%	27,1%	26,5%
<b>GTGD</b>			
- Hôm nay (triệu)	\$525,9	\$32,2	\$17,5
- TB 1 tháng (triệu)	\$884,0	\$43,2	\$21,2
- TB 1 năm (triệu)	\$1.145,2	\$80,2	\$31,3
- TB QTD	\$896,4	\$47,9	\$20,8
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-25,3%	-38,8%	-41,3%
<b>Khối ngoại</b>			
- Mua (triệu)	\$75,1	\$0,9	\$1,9
- Bán (triệu)	\$63,5	\$0,7	\$0,2
- GT ròng (triệu)	\$11,6	\$0,2	\$1,7
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã tăng	104	47	157
Mã giảm	205	80	183
Không đổi	115	176	518
<b>Chỉ số chính</b>			
GT vốn hóa (tỷ)	330,2	18,2	51,7
P/E trượt 12T	13,6	11,6	16,5
LS cổ tức*	2,2%	7,0%	6,0%
<b>Giao dịch</b>			
<b>Phái sinh</b>	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.982,0	37.028	987,8
VN30F2M	1.975,6	1.058	2,0
VN30F1Q	1.980,0	498	0,1
VN30F2Q	1.976,9	173	0,3
VN100F1M	1.896,2	31	0,3
VN100F2M	1.896,3	4	0,0
VN100F1Q	1.891,5	16	0,0
VN100F2Q	1.890,0	9	0,1
<b>USD/VND</b>		26.335	

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

\*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

## Điểm tin

- Ngành Năng lượng: Nga và Việt Nam thảo luận về khả năng phát triển kho dự trữ dầu chiến lược và cung cấp LNG
- GEX/GEL: GEL đề xuất phát hành riêng lẻ 100 triệu cổ phiếu; nguồn vốn huy động dự kiến phục vụ dự án sân bay Gia Bình và tái cơ cấu nợ vay
- KDH chốt ngày đăng ký cuối cùng để lấy ý kiến cổ đông, thông báo kế hoạch chuyển nhượng vốn góp tại SPV
- PC1: CII và công ty liên quan trở thành nhóm cổ đông lớn mới với tổng tỷ lệ sở hữu 5,77%

## Báo cáo trong ngày

- Cập nhật Ví mô: Thâm hụt thương mại đạt kỷ lục do tăng tốc nhập khẩu đầu vào
- FPT: Định giá hấp dẫn; lo ngại về AI phần lớn đã phản ánh vào giá - Cập nhật

## Quan điểm kỹ thuật

VN-Index đóng cửa vượt MA5, đà hồi phục ngắn hạn vẫn được duy trì. Tuy nhiên, thanh khoản thấp cùng độ rộng thị trường tiêu cực cho thấy các phiên tăng hiện vẫn mang tính hồi phục kỹ thuật, chưa đủ xác nhận tín hiệu tạo đáy hoặc kết thúc nhịp điều chỉnh. Do đó, chưa thể loại trừ khả năng chỉ số rung lắc trong phiên 08/06, kiểm định lại vùng hỗ trợ ngắn hạn tại 1.820–1.830 điểm.

*Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.*

*Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).*

## Điểm tin

### Ngành Năng lượng: Nga và Việt Nam thảo luận về khả năng phát triển kho dự trữ dầu chiến lược và cung cấp LNG

\* Theo Interfax, một hãng thông tấn độc lập của Nga, Nga và Việt Nam đang thảo luận về khả năng thiết lập kho dự trữ dầu chiến lược tại Việt Nam, dẫn lời Phó Thủ tướng Nga Alexander Novak. Chúng tôi hiểu rằng Nga có thể hỗ trợ Việt Nam bằng cách cung cấp sản phẩm xăng dầu/dầu thô nhằm giúp bổ sung nguồn hàng cho kho dự trữ chiến lược quốc gia. Diễn biến này nối tiếp các tín hiệu trước đó cho thấy Việt Nam đang đẩy nhanh kế hoạch phát triển kho dự trữ xăng dầu chiến lược, bao gồm khu vực quanh Nghi Sơn, nhằm củng cố nguồn nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn.

\* Hai bên cũng thảo luận về khả năng Nga cung cấp LNG cho Việt Nam. Theo báo cáo, Novatek đang đàm phán cung cấp LNG cho Việt Nam và kỳ vọng khởi động xuất khẩu với sản lượng khoảng 1 triệu tấn/năm.

\* Nhìn chung, chúng tôi cho rằng diễn biến này nhìn chung tích cực đối với an ninh năng lượng của Việt Nam, do kho dự trữ dầu chiến lược có thể cải thiện khả năng đảm bảo nguồn cung trong bối cảnh thị trường dầu toàn cầu biến động. Ở cấp độ doanh nghiệp, PVS có thể hưởng lợi từ các cơ hội M&C trong tương lai nếu các dự án kho dự trữ dầu chiến lược hoặc kho chứa LNG được phát triển. Đối với PVT, diễn biến này có thể hỗ trợ hợp đồng dài hạn với Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn và mở ra tiềm năng tuyến vận tải mới từ Nga đến Việt Nam. Đối với PLX/OIL, việc phát triển kho dự trữ chiến lược sẽ hỗ trợ sự ổn định nguồn cung xăng dầu quốc gia. GAS cũng có thể hưởng lợi từ nguồn cung LNG ổn định.

## **GEX/GEL: GEL đề xuất phát hành riêng lẻ 100 triệu cổ phiếu; nguồn vốn huy động dự kiến phục vụ dự án sân bay Gia Bình và tái cơ cấu nợ vay**

\* CTCP Hạ tầng GELEX (GEL) đã công bố tài liệu ĐHCĐ năm 2026:

**1) Kế hoạch năm 2026:** doanh thu dự kiến đạt 16,6 nghìn tỷ đồng (+16% YoY, tương đương khoảng 97% dự báo năm 2026 của chúng tôi), LNTT đạt 1.158 tỷ đồng (-43% YoY, tương đương khoảng 47% dự báo năm 2026 của chúng tôi). Chúng tôi cho rằng mức giảm của mục tiêu LNTT chủ yếu đến từ việc mức tăng YoY của chi phí tài chính có khả năng sẽ làm giảm thiểu tác động tích cực từ mức tăng 20% YoY đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2026 của VGC.

### **2) Phát hành riêng lẻ**

+ Quy mô phát hành: 100 triệu cổ phiếu mới, tương đương 11,2% số cổ phiếu đang lưu hành hiện tại và 10,1% số cổ phiếu lưu hành sau phát hành. Số lượng cổ phiếu sau phát hành dự kiến đạt 990 triệu cổ phiếu so với 890 triệu cổ phiếu đang lưu hành hiện tại.

+ Phương thức chào bán: Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với số lượng dưới 100 nhà đầu tư.

+ Hạn chế chuyển nhượng: Khóa chuyển nhượng trong 1 năm.

+ Giá phát hành: HĐQT được ủy quyền quyết định giá phát hành cuối cùng. Giá phát hành không được thấp hơn mức cao nhất trong ba tiêu chí sau: (1) giá đóng cửa bình quân của 20 phiên trước ngày HĐQT thông qua phương án phát hành; (2) giá trị sổ sách đã kiểm toán năm 2025 là 11.344 đồng/cổ phiếu; và (3) mệnh giá.

+ Số tiền huy động dự kiến: khoảng 3,33 nghìn tỷ đồng nếu phân phối thành công toàn bộ 100 triệu cổ phiếu. Giá định giá phát hành trong khoảng 31.400-35.200 đồng/cổ phiếu, với mức trung bình giá định là 33.300 đồng/cổ phiếu.

+ Tỷ lệ thành công tối thiểu: Ít nhất 70%, tương đương 70 triệu cổ phiếu. Nếu thấp hơn ngưỡng này, đợt phát hành sẽ bị hủy.

+ Thời gian thực hiện: Dự kiến từ quý 3/2026 đến quý 2/2027, sau khi được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước UBCKNN chấp thuận.

+ Mục đích sử dụng vốn: Tái cơ cấu các khoản nợ vay phục vụ góp vốn vào dự án Sân bay Quốc tế Gia Bình (GEL đã góp 8,1 nghìn tỷ đồng vào dự án Gia Bình tính đến cuối quý 1/2026, tương đương khoảng 20% cổ phần). Cụ thể, nguồn vốn huy động sẽ được sử dụng để thanh toán nợ gốc các khoản vay từ: (1) GEX (2,4 nghìn tỷ đồng), (2) Gelex Investment (795 tỷ đồng) và (3) các khoản nợ cần tái cơ cấu khác (104 tỷ đồng).

**Quan điểm của chúng tôi:** GEL đang bước vào chu kỳ vốn đầu tư XDCB lớn, chủ yếu dành cho: (1) mảng BĐS nhà ở, được tài trợ một phần bởi khoản vay nước ngoài trị giá 238 triệu USD do HSBC thu xếp; và (2) dự án sân bay Gia Bình, được tài trợ từ vốn chủ sở hữu hiện hữu, đợt phát hành riêng lẻ để xuất và nợ vay. Chúng tôi cho rằng dự án Gia Bình sẽ cần thêm thời gian để đóng góp đáng kể vào lợi nhuận, trong khi mảng BĐS nhà ở có thể bắt đầu trở thành động lực tăng trưởng lợi nhuận từ cuối năm 2027 đến đầu năm 2028, nhờ được dẫn dắt bởi dự án Lê Lai tại Hải Phòng. Theo ước tính sơ bộ, chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2026-2028 của GEL sẽ ở mức 116%, nhờ đà tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi từ mảng KCN/VLXD và đóng góp mới từ mảng BĐS nhà ở.

\* Chúng tôi hiện đưa ra giá mục tiêu là 37.300 đồng/cổ phiếu đối với GEX (GEX hiện sở hữu 70% cổ phần tại GEL) và giá trị hợp lý 31.300 đồng/cổ phiếu đối với GEL (trước khi thực hiện phát hành riêng lẻ).

-----

## KDH chốt ngày đăng ký cuối cùng để lấy ý kiến cổ đông, thông báo kế hoạch chuyển nhượng vốn góp tại SPV

\* Vào ngày 05/06/2026, CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH) đã công bố ngày đăng ký cuối cùng để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và kế hoạch chuyển nhượng phần vốn góp tại một công ty dự án (SPV).

\* Các điểm chính:

- KDH đã ấn định ngày 17/06/2026 là ngày đăng ký cuối cùng để xác định danh sách cổ đông có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản (1 cổ phiếu = 1 quyền biểu quyết). Quá trình lấy ý kiến dự kiến được thực hiện trong giai đoạn tháng 6-7/2026. Nội dung chi tiết các vấn đề trình cổ đông thông qua bằng văn bản hiện chưa được công bố.

- Công ty đã thông qua kế hoạch chuyển nhượng 51% vốn góp tại Bình Trưng Mới với giá trị 1,7 nghìn tỷ đồng, dự kiến hoàn tất trong quý 3/2026. Bình Trưng Mới là một trong các công ty dự án của Gladia by the Waters (11,8 ha; liên doanh với Keppel, KDH sở hữu 51%). Theo KDH, việc công bố kế hoạch chuyển nhượng này là một phần trong quá trình tái cơ cấu nội bộ và sẽ không dẫn đến bất kỳ thay đổi nào đối với tỷ lệ sở hữu thực tế của KDH tại dự án Gladia.

\* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA với giá mục tiêu là 42.600 đồng/cổ phiếu đối với KDH.

## PC1: CII và công ty liên quan trở thành nhóm cổ đông lớn mới với tổng tỷ lệ sở hữu 5,77%

\* CTCP Tập Đoàn PC1 (PC1) công bố CII và công ty liên quan đã trở thành nhóm cổ đông lớn mới, với tổng tỷ lệ sở hữu 5,77% tại PC1. Trong đó, CII trực tiếp sở hữu 4,22%, và gián tiếp sở hữu 1,55% thông qua Công ty TNHH Thương mại Đầu tư CII, công ty con do CII sở hữu 90,7% vốn. Thương Mại Đầu Tư CII đã mua thêm 3,9 triệu cổ phiếu, tương đương 0,94%, vào ngày 02/06/2026.

\* CII cho biết khoản đầu tư này hoàn toàn mang tính đầu tư tài chính, không có ý định tham gia vào hoạt động điều hành của PC1. Lý do đầu tư là PC1 sở hữu danh mục tài sản điện, bao gồm thủy điện và năng lượng tái tạo, phù hợp với xu hướng tăng trưởng của ngành điện Việt Nam và là mảnh ghép còn thiếu tiềm năng trong hệ sinh thái của CII.

\* Riêng biệt, PC1 đã lùi ngày đăng ký cuối cùng để tham dự ĐHCĐ bất thường năm 2026, dự kiến tổ chức trong tháng 7, sang ngày 24/06 từ ngày 04/06 trước đó.

## Tóm tắt các báo cáo trong ngày

### Cập nhật Ví mô: Thâm hụt thương mại đạt kỷ lục do tăng tốc nhập khẩu dầu vào

\* **Hoạt động sản xuất duy trì đà tăng trưởng ổn định nhờ ngành sản xuất, chế biến & chế tạo tăng trưởng mạnh:** Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành tiếp tục tăng 9,1% YoY trong 5 tháng đầu năm 2026 (5T 2026) (5T 2025: +8,8% YoY), nhờ diễn biến tích cực của ngành sản xuất, chế biến & chế tạo với mức tăng 9,5% YoY (5T 2025: +10,8% YoY). Các đơn hàng mới và đơn hàng xuất khẩu phục hồi cho thấy hoạt động sản xuất có thể khả quan hơn trong ngắn hạn, mặc dù tâm lý kinh doanh thận trọng phản ánh những lo ngại kéo dài về lạm phát và xung đột tại Trung Đông.

\* **Doanh thu bán lẻ tăng trưởng ở mức hai chữ số chủ yếu do yếu tố giá và tăng trưởng du lịch.** Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,2% YoY nhưng chỉ tăng 6,1% YoY nếu loại trừ yếu tố giá (so với mức 7,2% trong 5T 2025), cho thấy tác động về giá là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng. Tăng trưởng tiêu dùng có khả năng sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi hoạt động du lịch và nhu cầu tăng trong hè. Tuy nhiên, áp lực lạm phát dai dẳng có thể làm suy giảm dần sức mua và tăng trưởng tiêu dùng thực tế.

**\* Thu ngân sách Nhà nước (NSNN) duy trì tích cực trong 5T 2026:** NSNN ghi nhận thặng dư 18,8 tỷ USD (+62% YoY), với doanh thu đạt 53% kế hoạch năm. Chi NSNN cho đầu tư phát triển tăng 11,8% YoY, đạt 7,8 tỷ USD, hoàn thành 18,4% kế hoạch năm (so với mức trung bình 22,8% trong giai đoạn 5T 2018-2025). Kết quả thu ngân sách tích cực tạo ra dư địa tài khóa, trong khi việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công vẫn là động lực chính dẫn dắt tăng trưởng.

**\* Thu hút vốn FDI tăng tốc trong tháng 5:** Trong 5T 2026, vốn FDI đăng ký tăng mạnh đạt 24,8 tỷ USD (+34,9% YoY) trong khi vốn FDI giải ngân duy trì đà tăng trưởng tích cực ở mức 9,8 tỷ USD (+9,6% YoY). Chúng tôi kỳ vọng dòng vốn FDI giải ngân sẽ tiếp tục được hỗ trợ nhờ hoạt động triển khai các dự án đang diễn ra, trong khi vốn FDI đăng ký được hưởng lợi từ xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng và mở rộng quy mô sản xuất.

**\* Thâm hụt thương mại tăng đáng kể do nhu cầu nhập khẩu mạnh:** Việt Nam tiếp tục ghi nhận mức thâm hụt thương mại theo tháng kỷ lục là 5,2 tỷ USD trong tháng 5, chủ yếu do thâm hụt mảng máy tính & linh kiện điện tử gia tăng (đạt 8,0 tỷ USD trong tháng 5; gấp 1,9 lần YoY). Tính chung 5T 2026, kim ngạch xuất khẩu tăng 19,5% YoY trong khi kim ngạch nhập khẩu tăng nhanh hơn ở mức 30,8% YoY, dẫn đến mức thâm hụt lũy kế 13,8 tỷ USD – mức thâm hụt 5T lớn nhất kể từ khi chúng tôi bắt đầu theo dõi số liệu vào năm 2011. Cán cân thương mại có khả năng thu hẹp mức thâm hụt trong nửa cuối năm 2026 khi động lực xuất khẩu cải thiện, lượng máy tính, linh kiện điện tử nhập khẩu trước đó làm nền tảng cho hoạt động xuất khẩu và giá dầu hạ nhiệt trong thời gian tới. Tuy nhiên, giá chip có thể duy trì ở mức cao kéo dài có thể khiến giá trị nhập khẩu thiết bị điện tử ở mức cao và làm chậm quá trình trở lại trạng thái thặng dư.

**\* Lạm phát tháng 5 chịu áp lực từ giá điện, giá thuê nhà và giá xăng dầu:** Chỉ số CPI tháng 5 tăng 5,6% YoY (+0,29% MoM), đưa CPI bình quân lên 4,3% trong 5T 2026. Chỉ số CPI có thể chịu áp lực tăng trong tháng 6 do lượng tiêu thụ điện cao hơn và nhu cầu du lịch hè gia tăng. Mặc dù vậy, các đợt điều chỉnh giảm giá xăng dầu gần đây có thể làm giảm giá nhiên liệu bình quân khoảng 6,6%, giúp làm giảm CPI chung khoảng 0,2 điểm %.

**\* Tỷ giá USD/VND giảm nhẹ trong tháng 5:** Tỷ giá USD/VND giảm nhẹ 0,13% trong tháng 5, chốt tháng ở mức 26.313 trên thị trường liên ngân hàng (tỷ giá USD/VND đã tăng tính từ đầu năm đến nay). Dù nhu cầu nhập khẩu cao có thể tiếp tục gây áp lực lên tỷ giá, việc giá vàng trong nước hạ nhiệt, các điều kiện địa chính trị được cải thiện và dòng vốn FDI giải ngân ổn định được kỳ vọng sẽ hỗ trợ cho tỷ giá.

### FPT: Định giá hấp dẫn; lo ngại về AI phần lớn đã phản ánh vào giá - Cập nhật

Ngành	CNTT/Viễn thông		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	05/06/2026	TT Doanh thu*	12%	14%	15%	17%
Giá hiện tại	75.000 VND	TT LNST-CĐT*	19%	15%	16%	19%
Giá mục tiêu	90.300 VND	Biên LNTT*	20,0%	20,8%	21,1%	21,3%
Giá mục tiêu gần nhất	116.600 VND	Biên LN ròng*	18,5%	18,6%	18,9%	19,1%
TL tăng	+20,4%	EV/EBITDA	7,7x	8,0x	7,1x	6,0x
Lợi suất cổ tức	3,1%	P/E*	14,4x	12,6x	10,8x	9,1x
Tổng mức sinh lời	+23,5%	P/B	3,9x	3,2x	2,7x	2,2x
GT vốn hóa	128,9 nghìn tỷ đồng				FPT	VNI
Room KN	26 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)			13,2x	15,0x
GTGD/ngày (30n)	1 nghìn tỷ đồng	P/B (quý gần nhất)			3,8x	2,1x
Cổ phần Nhà nước	5,8%	ROA (trượt)			14,3%	2,2%
SL cổ phiếu lưu hành	1.704 tr	ROE (trượt)			28,4%	15,1%
Pha loãng	1.704 tr					

\* FPT thay đổi phương pháp hạch toán đối với FPT Telecom (UPCOM: FOX; sở hữu 45,66%) từ hợp nhất kinh doanh sang phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ năm 2026. Để đảm bảo so sánh tương đương, Vietcap điều chỉnh một số số liệu báo cáo KQKD năm 2025 nhằm phản ánh đóng góp của FPT Telecom theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

\* Chúng tôi điều chỉnh giảm 23% giá mục tiêu cho CTCP FPT (FPT) xuống 90.300 đồng/cổ phiếu nhưng duy trì khuyến nghị MUA do giá cổ phiếu đã giảm khoảng 20% trong 7 tháng qua.

\* Giá mục tiêu thấp hơn chủ yếu phản ánh giá định bội số P/E mục tiêu thấp hơn cho các mảng, bao gồm CNTT nước ngoài (từ 26,0 lần xuống 17,0 lần), CNTT trong nước (từ 18,0 lần xuống 13,6 lần), và giáo dục (từ 18,0 lần xuống 11,4 lần). Chúng tôi điều chỉnh giảm bội số định giá của mảng CNTT nước ngoài để phản ánh xu hướng giảm định giá của ngành dịch vụ CNTT trong bối cảnh lo ngại ngắn hạn về giảm phát do AI, trong khi bội số định giá mảng giáo dục phản ánh triển vọng đi ngang trong trung hạn. Điều này được bù đắp một phần bằng tác động tích cực từ việc chúng tôi cập nhật mô hình định giá từ cuối năm 2026 sang giữa năm 2027.

\* Chúng tôi nhận thấy định giá của FPT ở mức hấp dẫn với P/E dự phóng cho năm 2026/27 lần lượt là 12,6 lần/10,8 lần và PEG đạt 0,8 (dựa trên P/E dự phóng năm 2026 và CAGR EPS giai đoạn 2025-28) vì chúng tôi tin rằng những lo ngại ngắn hạn về AI đối với mảng công nghệ thông tin nước ngoài dường như phần lớn đã phản ánh vào giá.

\* Chúng tôi dự báo CAGR LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 17% trong giai đoạn 2025-28 do ảnh hưởng của giảm phát do AI và những bất ổn vĩ mô sẽ tiếp tục gây áp lực lên nhu cầu dịch vụ CNTT trong giai đoạn 2026-27 trước khi chuyển sang giai đoạn lạm phát AI (tăng trưởng nhu cầu do AI) từ năm 2028, thời điểm việc áp dụng AI sẽ thúc đẩy nhu cầu rõ rệt hơn. Trong giai đoạn này, tăng trưởng mảng CNTT trong nước được kỳ vọng sẽ tăng tốc nhờ nhu cầu chuyển đổi số mạnh mẽ hơn, trong khi chúng tôi dự báo mảng giáo dục sẽ nhìn chung đi ngang.

\* **Yếu tố hỗ trợ/rủi ro:** Phục hồi chi tiêu cho CNTT/áp dụng AI mạnh hơn/yếu hơn; tăng trưởng số lượng tuyển sinh của mảng giáo dục nhanh hơn/chậm hơn; đóng góp từ các công ty liên kết cao hơn/thấp hơn.

## Quan điểm kỹ thuật

Áp lực giảm trong phiên 12/02 có thể sẽ khiến VN-Index điều chỉnh trở lại hỗ trợ trong phiên 1.260 (+/-3) điểm trong ngày mai. Để giữ được tín hiệu tăng có được từ phiên 23/01, áp lực cung cần suy yếu quanh hỗ trợ hoặc hoạt động mua có sự cải thiện trở lại trên diện rộng. Trường hợp áp lực bán gia tăng và hỗ trợ trong phiên bị vi phạm sẽ làm tăng khả năng phá vỡ cấu trúc tăng giá đang có trong các phiên tiếp theo.

*Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.*

*Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).*

-----

## Điểm tin

-----

## Tóm tắt các báo cáo trong ngày

### BID: PBT to exceed USD1bn in 2023 – Update

Industry:	Banking		2022	2023F	2024F	2025F
Report Date:	May 24, 2023	PPOP y/y	9,3%	8,7%	13,8%	11,4%
Current Price:	VND43.500	NPAT y/y	69,9%	16,9%	20,5%	25,4%
Target Price:	VND50.300	EPS y/y	81,9%	15,4%	20,5%	25,4%
Last Target Price:	VND46.500	NIM	2,92%	2,87%	2,97%	3,02%
Upside to TP:	15,6%	NPLs/loans	1,16%	1,40%	1,55%	1,35%
Dividend Yield:	0,0%	CIR	32,4%	33,1%	32,7%	33,2%
TSR:	15,6%	P/E	14,3x	12,4x	10,3x	8,2x
		P/B	2,2x	1,88x	1,6x	1,4x
Market Cap:	USD9,4bn			<u>BID</u>	<u>Peers</u>	<u>VNI</u>
Foreign Room:	USD167mn	P/E (ttm)		12,9x	6,3x	14,5x
ADTV30D:	USD1,2mn	P/B (curr)		2,1x	1,3x	1,6x
State Ownership:	81,0%	ROE		20,1%	22,1%	12,8%
Outstanding Shares:	5,058 bn	ROA		1,0%	2,0%	2,0%
Fully Diluted Shares:	5,058 bn					

- We raise our target price (TP) for BID by 8,2% to VND50.300/share and upgrade our rating from MARKET PERFORM to OUTPERFORM.
- Our higher TP is mainly due to (1) a 2,7% increase in our projection for aggregate 2023-2027F NPAT-MI (0,5%/3,1%/2,7%/5,2%/1,2% for 2023/24/25/26/27F, respectively), (2) the positive impact of rolling our TP horizon forward to mid-2024, and (3) a slight decrease in our cost of equity for BID due to an updated beta.
- The increase in our 2023-2027F earnings is underpinned by (1) a 1,0% aggregate increase in NII and (2) a 4,4% aggregate increase in NFI (including gains from FX trading), which are partly offset by a 1,1% aggregate increase in provision expenses.
- We maintain our view that BID will lower its credit costs from 1,56% in 2022 to ~1,0% in 2027, which should support the bank's earnings growth over the next five years.
- We keep our 2023F NPAT-MI relatively unchanged at VND21,0tn (USD890mn; +15,6% YoY) as (1) a 4,5% increase in NFI (including gains from FX trading) from stronger-than-expected Q1 2023 results and (2) 2,5% decrease in provision expenses are offset by a 0,7% decrease in NII. Our forecast for 2023F PBT is VND26,9tn (USD1,1bn), implying 17,0% YoY growth vs the bank's target of 10%-15%.

## Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	82%	59	0,0	11.150	25.500	129%	0,0%	129%	<b>KQ</b>	17/01/25	31,6	7,5	13,2	0,9
DGC	Công nghiệp	44%	661	4,9	45.850	91.200	99%	6,5%	105%	<b>MUA</b>	02/03/26	6,1	5,8	13,2	1,1
SZC	KCN	19%	156	0,7	22.800	42.400	86%	4,4%	90%	<b>KQ</b>	01/07/25	12,9	11,7	19,1	1,3
KDH	Bất động sản	25%	976	4,3	22.900	42.600	86%	0,0%	86%	<b>MUA</b>	11/05/26	25,9	17,0	19,1	1,4
NLG	Bất động sản	10%	478	2,0	25.950	45.800	76%	1,9%	78%	<b>MUA</b>	11/05/26	15,1	18,5	19,1	1,0
TV2	Điện & Nước	7%	74	0,4	28.700	49.000	71%	3,5%	74%	<b>MUA</b>	22/04/26	32,6	11,5	12,0	1,5
HVN	Hàng không	22%	2.516	0,4	21.300	37.100	74%	0,0%	74%	<b>KQ</b>	22/07/25	9,1	7,7	22,9	6,4
VGC	KCN	48%	706	1,1	41.500	66.800	61%	5,3%	66%	<b>MUA</b>	11/05/26	13,9	11,7	14,0	2,1
BMI	Bảo hiểm	23%	82	0,1	14.350	23.100	61%	3,5%	64%	<b>MUA</b>	12/04/24	9,6	5,7	12,3	0,7
PVT	Dầu khí	36%	392	5,4	20.000	30.800	54%	5,0%	59%	<b>MUA</b>	13/03/26	9,5	6,5	12,0	1,2
FPT	CNTT	20%	4.850	38,6	75.000	116.600	55%	3,1%	59%	<b>MUA</b>	22/10/25	14,8	13,2	17,7	3,3
BMP	VLXD	19%	415	0,8	133.600	192.500	44%	12,0%	56%	<b>MUA</b>	12/11/25	9,0	7,8	14,0	3,4
HDG	Điện & Nước	33%	326	1,5	23.200	36.200	56%	0,0%	56%	<b>MUA</b>	23/03/26	12,5	10,3	19,1	1,3
PVS	Dầu khí	33%	751	6,4	38.700	60.000	55%	0,0%	55%	<b>MUA</b>	08/05/26	13,6	13,4	16,8	1,3
PLC	Dầu khí	49%	66	0,3	21.600	31.900	48%	4,6%	52%	<b>MUA</b>	12/09/25	128,6	6,9	13,2	1,4
HPG	VLXD	27%	7.612	26,3	23.750	35.400	49%	1,9%	51%	<b>MUA</b>	12/05/26	13,3	7,9	15,4	1,4
NVL	Bất động sản	44%	1.149	16,7	13.550	20.000	48%	0,0%	48%	<b>MUA</b>	01/10/25	15,7	75,7	19,1	0,7
CTG	Ngân hàng	5%	9.995	13,4	33.900	50.000	47%	0,0%	47%	<b>MUA</b>	15/05/26	8,7	7,4	12,1	1,4
MBB	Ngân hàng	1%	7.644	16,2	25.000	36.000	44%	2,0%	46%	<b>MUA</b>	21/05/26	7,5	6,3	12,1	1,4
VPB	Ngân hàng	6%	7.966	18,9	26.450	38.000	44%	1,9%	46%	<b>MUA</b>	18/05/26	8,7	6,8	12,1	1,2
FRT	Bán lẻ	18%	807	2,8	124.800	178.800	43%	0,8%	44%	<b>MUA</b>	13/11/25	26,8	18,9	11,3	4,8
ACG	Gỗ	12%	189	0,0	33.000	45.800	39%	5,2%	44%	<b>MUA</b>	15/07/25	10,4	8,2	15,4	1,1
MCH	Bán lẻ	85%	6.462	1,9	131.500	181.700	38%	4,6%	43%	<b>PHTT</b>	28/11/25	25,5	22,3	14,6	9,9
HDC	Bất động sản	48%	132	1,2	17.350	24.600	42%	0,0%	42%	<b>KQ</b>	09/01/26	5,4	11,1	19,1	1,2
SIP	KCN	47%	469	0,7	51.000	69.800	37%	3,9%	41%	<b>MUA</b>	22/12/25	10,1	9,5	19,1	2,3
IDC	KCN	33%	625	2,1	43.400	58.000	34%	6,9%	41%	<b>MUA</b>	04/06/26	8,6	8,4	19,1	2,5

<b>KBC</b>	KCN	41%	1.055	4,4	29.500	40.400	37%	3,4%	40%	<b>MUA</b>	01/06/26	13,2	11,5	19,1	1,1
<b>PTB</b>	Công nghiệp	9%	149	0,5	39.000	52.000	33%	5,4%	39%	<b>KQ</b>	06/10/25	5,2	6,8	15,4	1,1
<b>MSN</b>	Bán lẻ	75%	4.012	18,2	73.100	101.200	38%	0,0%	38%	<b>MUA</b>	21/05/25	25,7	24,9	12,0	2,9
<b>PNJ</b>	Bán lẻ	1%	1.276	2,5	65.700	88.900	35%	3,0%	38%	<b>MUA</b>	12/05/26	12,7	10,1	8,7	2,3
<b>DCM</b>	Phân bón	40%	778	4,7	38.700	51.000	32%	6,5%	38%	<b>MUA</b>	25/05/26	11,4	7,1	13,2	1,8
<b>TCB</b>	Ngân hàng	0%	8.527	15,9	31.700	42.600	34%	2,2%	37%	<b>MUA</b>	11/05/26	8,9	7,7	12,1	1,3
<b>NT2</b>	Điện & Nước	38%	246	0,7	22.550	28.800	28%	8,9%	37%	<b>MUA</b>	28/05/26	6,7	6,1	12,0	1,3
<b>TLG</b>	Văn phòng phẩm	89%	178	0,2	48.600	61.900	27%	7,2%	35%	<b>MUA</b>	12/09/25	10,4	7,9	8,7	2,0
<b>SAB</b>	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.327	1,4	47.800	59.000	23%	10,5%	34%	<b>MUA</b>	06/01/26	14,3	13,6	14,6	2,8
<b>SSI</b>	Chứng khoán	68%	2.553	18,3	27.000	35.100	30%	3,7%	34%	<b>MUA</b>	08/12/25	16,6	14,8	17,7	1,7
<b>REE</b>	Điện & Nước	0%	1.204	1,3	50.900	66.900	31%	2,0%	33%	<b>MUA</b>	22/04/26	12,5	11,0	12,0	1,5
<b>HDB</b>	Ngân hàng	5%	4.845	19,5	25.500	33.000	29%	2,0%	31%	<b>MUA</b>	06/03/26	7,1	6,1	12,1	1,6
<b>PVD</b>	Dầu khí	42%	648	6,5	30.700	40.300	31%	0,0%	31%	<b>MUA</b>	09/04/26	19,0	15,3	16,8	1,0
<b>MWG</b>	Bán lẻ	0%	4.348	21,1	78.000	101.000	29%	1,3%	31%	<b>MUA</b>	14/10/25	16,2	13,7	11,3	3,2
<b>QTP</b>	Điện & Nước	-1%	205	0,2	12.000	14.600	22%	8,3%	30%	<b>MUA</b>	10/12/25	5,3	8,2	12,0	1,0
<b>GMD</b>	GTVT	8%	1.234	4,4	76.200	95.500	25%	3,3%	29%	<b>MUA</b>	25/05/26	20,7	13,5	12,0	2,4
<b>VHC</b>	Đồ uống/Thực phẩm	82%	457	1,5	57.500	71.600	25%	3,5%	28%	<b>MUA</b>	26/01/26	9,5	7,3	14,6	1,2
<b>DXG</b>	Bất động sản	30%	619	9,0	12.850	16.400	28%	0,0%	28%	<b>MUA</b>	06/04/26	70,4	73,6	19,1	1,1
<b>VCB</b>	Ngân hàng	10%	19.570	20,4	61.700	78.500	27%	0,0%	27%	<b>MUA</b>	18/05/26	15,9	13,3	12,1	2,2
<b>VNM</b>	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.633	8,5	58.400	70.300	20%	6,8%	27%	<b>MUA</b>	24/04/25	13,0	13,9	14,6	3,7
<b>POW</b>	Điện & Nước	46%	1.566	7,4	13.450	16.700	24%	0,0%	24%	<b>MUA</b>	27/03/26	16,9	17,1	12,0	1,1
<b>DPG</b>	Điện & Nước	31%	183	0,9	40.550	48.700	20%	2,5%	23%	<b>MUA</b>	06/01/26	10,2	6,2	14,0	1,6
<b>QNS</b>	Đồ uống/Thực phẩm	41%	663	0,4	47.500	53.400	12%	8,4%	21%	<b>KQ</b>	30/08/24	9,1	6,8	14,6	1,6
<b>BWE</b>	Điện & Nước	47%	367	0,3	43.950	51.600	17%	3,0%	20%	<b>MUA</b>	13/05/26	11,3	12,2	12,0	1,6
<b>BID</b>	Ngân hàng	12%	11.607	13,7	42.000	50.500	20%	0,0%	20%	<b>MUA</b>	21/05/26	11,0	10,2	12,1	1,7
<b>ACB</b>	Ngân hàng	5%	5.099	24,4	26.150	30.500	17%	2,7%	19%	<b>MUA</b>	21/05/26	8,7	7,6	12,1	1,4

<b>AST</b>	DV Hàng không	3%	121	0,0	71.000	80.600	14%	4,9%	18%	<b>MUA</b>	26/08/25	12,8	12,4	11,3	4,7
<b>PPC</b>	Điện & Nước	45%	118	0,1	9.730	11.000	13%	5,1%	18%	<b>KQ</b>	10/12/25	19,2	9,6	12,0	0,7
<b>TPB</b>	Ngân hàng	6%	1.706	6,3	16.200	18.600	15%	3,1%	18%	<b>MUA</b>	20/05/26	6,1	5,8	12,1	1,0
<b>GEX</b>	Điện & Nước	42%	1.589	22,7	32.000	37.300	17%	1,1%	18%	<b>MUA</b>	30/12/25	27,3	30,6	12,0	2,2
<b>DPM</b>	Phân bón	45%	648	3,4	25.100	28.000	12%	6,0%	18%	<b>PHTT</b>	25/05/26	19,2	10,5	13,2	1,5
<b>DGW</b>	Bán lẻ	26%	335	1,8	39.900	45.400	14%	1,3%	15%	<b>PHTT</b>	18/11/25	16,1	14,2	11,3	2,4
<b>VIB</b>	Ngân hàng	0%	2.087	6,5	16.150	18.500	15%	0,0%	15%	<b>KQ</b>	23/05/25	7,5	6,2	12,1	1,1
<b>DHC</b>	Công nghiệp	15%	133	0,2	36.350	40.100	10%	3,6%	14%	<b>MUA</b>	16/12/25	8,9	8,7	15,4	1,5
<b>DXS</b>	Bất động sản	43%	160	1,1	7.300	8.300	14%	0,0%	14%	<b>KQ</b>	06/04/26	13,4	12,5	19,1	0,7
<b>GAS</b>	Dầu khí	47%	7.786	8,3	85.000	93.600	10%	2,9%	13%	<b>MUA</b>	14/04/26	18,3	16,6	12,0	3,0
<b>VRE</b>	Bất động sản	37%	2.691	10,0	31.200	34.200	10%	3,2%	13%	<b>PHTT</b>	29/05/26	11,0	12,8	19,1	1,4
<b>PHR</b>	Công nghiệp	35%	332	1,7	64.500	71.300	11%	2,0%	13%	<b>MUA</b>	25/03/26	20,3	9,3	13,2	2,0
<b>SCS</b>	DV Hàng không	20%	184	0,2	51.100	51.200	0%	10,8%	11%	<b>PHTT</b>	13/01/26	6,5	6,9	22,9	2,9
<b>VTP</b>	GTVT	45%	428	1,9	65.500	71.800	10%	0,0%	10%	<b>PHTT</b>	25/05/26	27,3	32,6	12,0	6,4
<b>ACV</b>	Hàng không	47%	5.958	1,4	44.000	48.000	9%	0,0%	9%	<b>PHTT</b>	18/05/26	14,1	13,9	12,0	2,2
<b>CTR</b>	CNTT	44%	397	1,8	91.500	96.800	6%	1,6%	7%	<b>KQ</b>	14/04/26	17,5	15,0	14,0	4,7
<b>STB</b>	Ngân hàng	18%	4.995	19,8	69.800	73.500	5%	0,0%	5%	<b>PHTT</b>	18/05/26	24,5	22,0	12,1	2,1
<b>VHM</b>	Bất động sản	42%	23.700	38,6	152.000	153.700	1%	3,9%	5%	<b>PHTT</b>	29/05/26	14,9	11,4	19,1	2,4
<b>TDM</b>	Điện & Nước	49%	249	0,3	59.000	60.600	3%	2,2%	5%	<b>KQ</b>	13/05/26	33,9	32,9	12,0	2,4
<b>F88</b>	Tài chính TT	42%	675	0,7	161.900	168.000	4%	0,0%	4%	<b>KQ</b>	21/01/26	24,8	18,0	#N/A	7,3
<b>VEA</b>	Ô-tô	48%	1.750	0,4	34.700	30.800	-11%	13,9%	3%	<b>PHTT</b>	28/10/25	6,3	6,5	12,0	1,6
<b>PLX</b>	Xăng dầu	6%	2.026	8,2	42.000	41.100	-2%	2,9%	1%	<b>MUA</b>	13/10/25	21,8	18,2	16,8	2,1
<b>BSR</b>	Lọc hóa dầu	47%	5.417	18,4	28.500	27.000	-5%	2,5%	-3%	<b>PHTT</b>	18/03/26	27,5	8,7	16,8	2,1
<b>NKG</b>	VLXD	45%	231	1,2	13.600	13.100	-4%	0,0%	-4%	<b>PHTT</b>	18/04/25	30,9	10,5	15,4	0,8
<b>HSG</b>	VLXD	45%	368	1,6	12.000	10.400	-13%	4,2%	-9%	<b>PHTT</b>	18/04/25	15,5	16,5	15,4	0,9
<b>GVR</b>	Công nghiệp	12%	5.284	5,4	34.800	30.500	-12%	1,1%	-11%	<b>KQ</b>	31/12/25	26,2	22,8	13,2	2,4
<b>LPB</b>	Ngân hàng	4%	5.177	3,4	45.650	39.300	-14%	2,2%	-12%	<b>KKQ</b>	18/11/25	12,0	12,6	12,1	2,8
<b>OIL</b>	Dầu khí	6%	585	2,3	14.900	12.700	-15%	0,7%	-14%	<b>KQ</b>	17/10/25	36,4	32,9	16,8	1,4

<b>BVH</b>	Bảo hiểm	22%	1.964	2,0	69.700	56.900	-18%	1,3%	-17%	<b>KQ</b>	26/05/25	17,4	16,5	12,3	2,1
<b>VJC</b>	Hàng không	24%	4.146	35,2	184.600	114.000	-38%	0,0%	-38%	<b>KQ</b>	15/03/24	51,4	20,7	22,9	4,2
<b>VIC</b>	Bất động sản	45%	60.553	54,9	207.000	101.600	-51%	0,0%	-51%	<b>BÁN</b>	30/03/26	136,2	140,6	19,1	10,8

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. \*P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

## Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
					P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	52	137.464	2.644	19	14,7	11,6	9,8	15,4	1,7	21,5	17,0	13,7	1,8	3,3%
KHẢ QUAN	16	19.339	1.209	4	16,0	16,4	13,0	16,4	2,3	25,7	20,1	14,9	2,5	1,9%
PHÙ HỢP TT	13	53.167	4.090	2	19,2	16,0	12,4	17,0	2,3	27,4	18,4	14,5	2,8	3,9%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.177	5.177	0	14,8	12,0	12,6	10,4	2,8	14,8	12,0	12,6	2,8	2,2%
BÁN	1	<u>60.553</u>	<u>60.553</u>	1	<u>129,4</u>	<u>136,2</u>	<u>140,6</u>	<u>66,9</u>	10,8	<u>129,4</u>	<u>136,2</u>	<u>140,6</u>	<u>10,8</u>	0,0%
<b>TỔNG CỘNG</b>	83	275.700	3.322	26	19,4	16,0	13,4	16,9	2,3	24,3	19,1	15,5	2,2	3,0%

	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
					P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	89.219	7.435	11	11,8	10,2	8,8	13,0	1,6	11,3	10,6	9,3	1,6	1,3%
Bảo hiểm	2	2.046	1.023	1	22,9	16,9	15,4	14,3	1,9	17,1	13,5	11,1	1,4	2,4%
Chứng khoán	1	2.553	2.553	1	21,6	16,6	14,8	21,5	1,7	21,6	16,6	14,8	1,7	3,7%
Tài chính thay thế	1	675	675	0	50,8	24,8	18,0	25,7	7,3	50,8	24,8	18,0	7,3	0,0%
Tiêu dùng	13	27.646	2.127	4	17,8	15,5	14,2	19,8	3,3	22,5	15,6	13,5	3,3	4,8%
CNTT	1	4.850	4.850	1	17,5	14,8	13,2	23,0	3,3	17,5	14,8	13,2	3,3	3,1%
Bất động sản	9	90.458	10.051	2	57,9	36,7	31,7	25,2	4,2	38,7	34,2	41,5	2,3	1,0%
Vật liệu	4	8.626	2.156	1	16,7	13,2	8,1	19,2	1,4	14,5	17,1	10,7	1,6	4,5%
Điện & Nước	12	6.418	535	1	22,0	14,2	13,5	16,9	1,4	27,4	16,4	13,6	1,4	3,0%
Dầu khí	10	19.097	1.910	2	27,3	19,8	12,3	21,4	2,1	38,6	30,5	13,6	1,7	3,1%
Công nghiệp	5	1.191	238	0	7,8	6,9	6,6	12,0	1,1	12,8	12,4	7,4	1,2	4,1%
Khu công nghiệp	7	<u>8.627</u>	<u>1.232</u>	1	<u>24,6</u>	<u>18,0</u>	<u>15,5</u>	<u>19,5</u>	<u>2,0</u>	<u>23,9</u>	<u>15,0</u>	<u>12,1</u>	<u>1,9</u>	<u>3,9%</u>
GTVT & Logistics	7	14.587	2.084	1	14,6	16,3	13,3	17,6	3,0	20,0	20,3	15,4	4,2	2,7%
<b>TỔNG CỘNG</b>	84	275.992	3.286	26	19,5	16,0	13,4	16,9	2,3	24,3	19,1	15,5	2,2	3,0%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

\*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

## Cập nhật KQKD Q1 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS Q1 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
<b>Ngân hàng</b>					
ACB	17%	14%	MUA	MUA	Nền tảng vững chắc, chuyển đổi đóng vai trò then chốt cho đà tăng trưởng dài hạn
BID	13%	8%	MUA	KQ	Tăng trưởng tín dụng quý 1/2026 tương đối tốt nhưng NIM gây thất vọng
CTG	65%	17%	MUA	MUA	NIM tiếp tục hồi phục tốt; chất lượng tài sản được duy trì vững chắc
HDB	19%	17%	KQ		ROE cao nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh và tối ưu quản trị chi phí; áp lực hiện hữu lên NIM
LPB	-10%	-4%	KKQ		Khởi đầu năm tương đối chậm với kết quả NIM và chất lượng tài sản thấp hơn kỳ vọng
MBB	14%	20%	MUA	MUA	Khả năng sinh lời cao với tiềm năng tái định giá
STB	-43%	11%	KQ	PHTT	Quá trình làm sạch bảng cân đối kế toán tiếp tục gây áp lực lên lợi nhuận quý 1/2026; áp lực dự phòng hạ nhiệt theo quý nhưng vẫn tăng mạnh YoY
TCB	12%	15%	MUA	MUA	Năng lực triển khai hiệu quả các trụ cột kinh doanh chính sẽ thúc đẩy đà tăng trưởng lợi nhuận bất chấp các yếu tố vĩ mô bất lợi
TPB	0%	5%	MUA	MUA	Kết quả quý 1/2026 đạt kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng khả quan nhưng NIM giảm, chất lượng tài sản suy yếu
VCB	10%	19%	MUA	MUA	Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ với NIM tiếp tục phục hồi
VIB	16%	22%	KQ		NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận
VPB	59%	29%	MUA	MUA	Chính sách hỗ trợ và nền tảng vốn vững chắc giúp thúc đẩy triển vọng đầu tư
<b>ĐCTC phi ngân hàng</b>					
BMI	-12%	68%	MUA		Bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng vượt trội; thu nhập tài chính vững mạnh, mức dự phòng kỹ thuật thấp hỗ trợ khả năng sinh lời
BVH	19%	5%	KQ		Lợi nhuận quý 1/2026 phù hợp với kỳ vọng nhờ doanh thu môi giới và cho vay kỳ quỹ cải thiện
SSI	52%	-7%	MUA		KQKD đang vượt kỳ vọng nhờ tăng trưởng cho vay mạnh mẽ dù trong mùa thấp điểm quý 1
F88	125%	37%	KQ		
<b>Tiêu dùng</b>					
CTR	23%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS tăng 23% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh từ mảng xây dựng
DGW	88%	17%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 tăng trưởng mạnh 89% YoY nhờ tăng trưởng doanh thu ở tất cả các mảng
FPT	14%	15%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
FRT	71%	51%	MUA		Long Châu duy trì tăng trưởng vững chắc; FPT Shop tiếp tục ghi nhận lãi ròng

MSN (2)	101%	42%	MUA		Lợi nhuận tăng mạnh nhờ tăng trưởng toàn diện của mảng tiêu dùng - bán lẻ và giá khoáng sản lập đỉnh lịch sử
MCH	12%	15%	PHTT		Retail Supreme, chiến lược đổi mới và các ngành hàng phụ trợ thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng hai chữ số
MWG	76%	18%	MUA		LNST quý 1 tăng 80% YoY, doanh thu DMX tăng mạnh 33% YoY, biên lợi nhuận ròng BHX đạt 2.9%
PNJ	117%	26%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 117% YoY; doanh thu bán lẻ tăng 22% YoY trong quý 1/2026
QNS	0%	33%	KQ		Triển vọng mảng sữa thực vật khả quan bù đắp cho chu kỳ giảm của ngành đường
SAB	51%	5%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS phục hồi 49% YoY sau năm 2025 đầy biến động
TLG	19%	20%	MUA		Kế hoạch năm 2026 thận trọng dù KQKD quý 1 tích cực
VEA	38%	-1%	PHTT		Lợi nhuận quý 1 tăng mạnh 38% YoY, phù hợp với kỳ vọng
VHC	38%	25%	MUA		Giá bán trung bình (ASP) xuất khẩu tăng giúp cải thiện biên lợi nhuận, nhưng lợi nhuận vẫn thấp hơn so với dự báo
VNM	25%	6%	MUA		Năng lực cạnh tranh mạnh, triển vọng tăng trưởng một chữ số trong năm 2026
<b>GTVT &amp; Logistics</b>					
ACV	-5%	3%	PHTT		Chất lượng lợi nhuận duy trì ổn định dù có sự thay đổi cơ cấu; Lợi nhuận mảng an ninh được tái phân loại thành khoản mục riêng
AST	85%	6%	MUA		KQKD quý 1 tích cực; đà tăng trưởng khách quốc tế và kế hoạch mở rộng góp phần hỗ trợ tiềm năng tăng đối với dự báo
GMD (2)	32%	30%	MUA	MUA	Kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ trong năm 2026, định giá vẫn hấp dẫn
HVN	-8%	19%	PHTT		Lợi nhuận quý 1 vượt kỳ vọng nhờ đòn bẩy kinh doanh mạnh mẽ; biên lợi nhuận bình thường hóa đáng kể QoQ, rủi ro giá nhiên liệu đang được đánh giá
SCS	2%	-6%	PHTT		KQKD quý 1 khiêm tốn do tác động từ căng thẳng Trung Đông trong tháng 3
VJC	58%	N.A	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS tăng 58% YoY; mảng vận tải quốc tế dẫn dắt đà tăng trưởng
VTP	-30%	-16%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTS giảm 44% YoY do giá nhiên liệu tăng mạnh và chi phí SG&A cao
<b>Bất động sản</b>					
DXG	-37%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 giảm so với cùng kỳ khi lợi ích cổ đông thiểu số tăng cao và biên lợi nhuận giảm
DXS	374%	7%	KQ		Lợi nhuận tăng mạnh trong quý 1, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDC	277%	-51%	KQ		KQKD quý 1 tăng mạnh so với cùng kỳ từ mức nền thấp nhờ hoạt động bán giao BĐS cải thiện
NVL	N.M.	-79%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 vượt dự báo cả năm 2026; tiềm năng tăng dự báo
KDH	130%	52%	MUA	MUA	Định giá hấp dẫn, lợi nhuận bước vào chu kỳ tăng trưởng
NLG	-51%	-18%	MUA	MUA	Doanh số bán BĐS tăng tốc thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi

VHM	850%	31%	KQ	PHTT	Hoạt động bán lẻ lớn sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng năm 2026
VIC	2%	-3%	BÁN		Lợi nhuận mảng BĐS tăng trưởng mạnh, mảng khách sạn nghỉ dưỡng cải thiện, khoản tài trợ từ Chủ tịch hỗ trợ LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026
VRE	36%	-14%	KQ	PHTT	Hoạt động cho thuê bán lẻ ổn định sẽ hỗ trợ đà tăng trưởng của lợi nhuận cốt lõi trong năm 2026
<b>Khu công nghiệp</b>					
GVR	90%	15%	KQ		Lợi nhuận quý 1/2026 khả quan nhờ mảng cao su và thu nhập khác rộng cao hơn; vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	-21%	4%	MUA		Lợi nhuận quý 1/2026 giảm so với cùng kỳ do lượng bàn giao đất KCN thấp hơn nhưng dòng tiền từ KCN vẫn duy trì ổn định
KBC	-77%	15%	MUA	MUA	Doanh số bàn giao đất KCN duy trì tốt giúp hỗ trợ tăng trưởng 2026/27
PHR	192%	118%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1/2026 gấp ba lần YoY nhờ ghi nhận tiền đến bù tăng, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
SIP	-5%	6%	MUA		Lợi nhuận quý 1 giảm nhẹ so với cùng kỳ do thu nhập tài chính thấp hơn; phù hợp với kỳ vọng
SZC	-88%	11%	KQ		Lợi nhuận giảm mạnh do thay đổi phương pháp kế toán; dòng tiền từ KCN vẫn ổn định trong quý 1
<b>Vật liệu &amp; Công nghiệp</b>					
ACG (2)	32%	26%	MUA		Doanh thu quý 1/2026 vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước khả quan; lợi nhuận cốt lõi phù hợp với dự báo
BMP	6%	15%	MUA		Lợi nhuận quý 1 tiếp tục duy trì ở mức cao trong lịch sử, tăng trưởng so với cùng kỳ quý trước và cùng kỳ năm trước
DGC	-50%	23%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 giảm 49% YoY; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
DHC	53%	3%	MUA		Triển vọng nửa đầu năm khả quan nhờ giá giấy thuận lợi và OCC giá thấp; lạm phát chi phí là rủi ro chính trong nửa cuối năm
HPG	169%	68%	MUA	MUA	Lợi nhuận năm 2026 dự kiến tăng mạnh nhờ việc ghi nhận khoản lãi một lần và KQKD tích cực của mảng thép
HSG (1)	-42%	-5%	PHTT		Lợi nhuận cốt lõi và biên lợi nhuận quý 2 phục hồi nhờ giá thép tăng do căng thẳng Trung Đông, nhưng vẫn thấp hơn so với dự báo
NKG	-66%	202%	PHTT		KQKD quý 1 yếu khi lợi nhuận từ HĐKD tiếp tục ghi nhận lỗ; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
PTB	10%	-19%	KQ		KQKD mảng gỗ và BĐS vượt kỳ vọng; tiềm năng tăng đối với dự báo năm 2026
STK	-167%	231%	KQ		Lỗ ròng trong quý 1 do sản lượng yếu và áp lực chi phí từ Unitex; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
<b>Điện &amp; Nước</b>					
BWE (2)	20%	-8%	MUA	MUA	KQKD mảng nước khả quan nhưng vẫn có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo
GEX	5%	-10%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi tăng mạnh nhờ mảng thiết bị điện và VLXD, tuy nhiên bị ảnh hưởng bởi mức chi phí tài chính cao

HDG	-68%	22%	KQ		Khoản dự phòng cho dự án Infra 1 lần át việc ghi nhận doanh thu tại Charm Villas, rủi ro giảm đối với dự báo
NT2	395%	-16%	MUA		LNST dự kiến tăng khoảng 5 lần YoY từ nền thấp của quý 1/2025; rủi ro điều chỉnh giảm nhẹ
PC1	227%	N/A	N/A		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo tăng gấp 3.3 lần YoY nhờ hoạt động bán BĐS và khoản thu từ việc thoái vốn
POW	170%	-1%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1/2026 tăng gần gấp 3 lần YoY, tương đương ~50% dự báo cả năm của chúng tôi với tiềm năng tăng
PPC	83%	99%	KQ		LNST cốt lõi quý 1 yếu cho thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với năm 2026
QTP	14%	-35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng 14% YoY nhờ chênh lệch giá cải thiện và chi phí khấu hao giảm
REE	17%	17%	MUA		Lợi nhuận tăng trưởng trên tất cả các mảng, nhìn chung phù hợp kỳ vọng
TDM (2)	-61%	-7%	KQ	KQ	LNST từ hoạt động sản xuất nước trong quý 1 năm 2026 đạt 17% dự báo cả năm, có rủi ro giảm nhẹ đối với dự báo lợi nhuận.
TV2	91%	184%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng gần gấp đôi YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng củng cố triển vọng doanh thu EPC cao trong năm 2026
DPG	7%	65%	MUA		Doanh số bán BĐS thấp hơn kỳ vọng, rủi ro giảm đối với dự báo lợi nhuận
VGC	-33%	12%	MUA		Doanh số cho thuê KCN tích cực củng cố tiềm năng tăng đối với dự báo
<b>Dầu khí</b>					
BSR	1970%	215%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 tăng mạnh nhờ đà tăng trưởng của sản lượng và mức crack spread tích cực; KQKD vượt kỳ vọng của chúng tôi
DCM (2)	91%	61%	MUA	MUA	Tồn kho cao cuối Q1 hỗ trợ KQKD Q2; có tiềm năng tăng nhẹ đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS
DPM	96%	82%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng gấp đôi YoY trong quý 1, kỳ vọng kết quả mạnh mẽ hơn trong quý 2
GAS	7%	10%	MUA		Lợi nhuận quý 1 ghi nhận tăng trưởng nhờ sự gia tăng của sản lượng, phù hợp với dự báo
OIL (2)	1958%	39%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1 tăng mạnh nhờ lợi nhuận từ hàng tồn kho và đà tăng trưởng sản lượng tích cực; kết quả vượt kỳ vọng
PLX (2)	-754%	19%	MUA		Giá sản phẩm xăng dầu điều chỉnh giảm mạnh, kích hoạt trích lập dự phòng hàng tồn kho, dẫn đến khoản lỗ trong quý 1/2026
PLC	-68%	834%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 1 bị kéo giảm bởi mảng hóa chất bất chấp mức tăng trưởng tích cực của mảng nhựa đường và dầu nhờn; KQKD nhìn chung thấp hơn dự báo của chúng tôi
PVD (2)	277%	55%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1 tăng gấp 3.7 lần YoY nhờ KQKD tích cực của mảng khoan và dịch vụ giếng khoan; phù hợp với kỳ vọng
PVS (2)	33%	7%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 1 tăng 33% YoY nhờ mức tăng mạnh của biên lợi nhuận gộp mảng M&C; phù hợp kỳ vọng

PVT (2)	32%	49%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 1 tăng 48% YoY nhờ giá cước vận tải dầu tăng, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
---------	-----	-----	-----	-----	--

(\*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

**Sàn GDCK TPHCM (HSX)**

	Điểm	Δ
VNIndex	1.838,9	7,4
VN 30	1.986,3	4,0
VN Mid	2.127,5	-13,3
VNSmall	1.350,7	-4,6

**Sàn GDCK Hà Nội (HNX)**

	Điểm	Δ
HNXINDEX	293,8	-11,1
HNX30	516,0	-3,9
VNX Allshare	2.956,7	3,4

**Sàn Upcom (UPCOM)**

	Điểm	Δ
UpCom	125,1	-0,8

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	1.618,0	11,7%
Khối ngoại mua	1.978,7	14,3%
Khối ngoại bán	1.672,1	12,1%
Tổng giao dịch	13.849,2	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	127,7	15,1%
Khối ngoại mua	23,0	2,7%
Khối ngoại bán	17,6	2,1%
Tổng giao dịch	847,4	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	162,2	35,1%
Khối ngoại mua	51,3	11,1%
Khối ngoại bán	6,3	1,4%
Tổng giao dịch	462,1	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VJC	12.000	7,0%
CRE	450	6,1%
VIC	6.800	3,4%
MSB	250	1,7%
TPB	250	1,6%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
MST	400	4,8%
NVB	300	2,6%
PSI	200	2,3%
NTP	1.000	1,7%
TNG	200	1,1%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TSJ	4.164	12,9%
VIW	1.338	6,0%
TVN	210	1,9%
BVB	198	1,6%
HBC	73	1,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
HQC	-110	-4,0%
VVS	-4.400	-3,5%
DSE	-750	-3,4%
VSC	-600	-3,0%
SMC	-300	-2,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
THD	-14.500	-10,0%
OCH	-700	-9,3%
KSF	-8.300	-9,0%
LHC	-2.700	-3,0%
VFS	-300	-2,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
POM	-489	-10,0%
PAT	-4.044	-6,0%
AMS	-507	-4,9%
OIL	-307	-2,0%
BGE	-63	-1,9%

(\*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
FPT	923
SHB	800
ACB	756
VIC	746
VHM	565

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	165
PVS	128
CEO	94
HUT	43
KSF	43

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
NAW	77
MSR	52
BVB	50
TSJ	39
F88	37

Cổ phiếu KLGĐ nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
HSL	1.561.536	329.381
RYG	925.910	301.257
NBB	176.176	60.194
HCD	222.142	79.240
TPB	28.629.744	10.455.583
CRE	511.196	205.166
SKG	153.641	73.046
DC4	305.040	150.419
GSP	160.315	86.588
LSS	192.092	103.812

Cổ phiếu KLGĐ nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
DDG	5.881.657	340.954
SRA	703.030	57.029
BNA	727.968	103.012
UNI	3.774.101	681.100
CMS	381.501	94.960
GKM	221.637	70.899
NRC	2.067.299	811.844
FID	149.618	62.023
KSF	507.692	225.285
DST	1.272.677	658.287

Cổ phiếu KLGĐ nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
BGE	327.200	60.122
PVX	1.133.937	210.696
DFP	597.989	176.493
BVB	4.032.381	1.407.637
POM	2.875.181	1.007.190
ACM	169.380	64.800
F88	227.269	108.686
BCR	841.506	470.749
SDA	212.610	122.965
AGM	266.262	175.454

(\*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

## Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

### Dịch vụ tài chính \*\*

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.655,1		13,2	2,0	17,4
TCX	4.192,2	90,5	18,1	2,4	14,4
VCK	2.991,1	96,3	18,1	2,6	19,1
SSI	2.554,0	68,2	12,5	1,7	13,9
VPX	1.886,7	95,6	11,7	1,5	14,0
VIX	1.651,5	92,0	5,7	2,0	25,6

### Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	629,9		12,4	1,6	13,3
BVH	1.964,7	21,8	17,5	2,1	12,1
PVI	698,2	43,2	13,9	2,1	15,4
BIC	189,1	7,5	10,5	1,5	14,9
VNR	154,7	22,8	8,7	1,0	11,6
MIG	143,0	83,6	11,5	1,4	12,4

### Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.914,1		19,9	3,9	22,6
ACV	5.960,1	47,2	14,7	2,2	15,7
MVN	2.789,3	0,0	31,3	5,0	16,9
GEE	2.480,8	48,9	19,3	8,5	45,2
VEA	1.750,5	47,6	6,0	1,6	26,3
GEX	1.589,9	42,0	28,1	2,2	8,8

### Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.743,3		16,2	4,3	27,3
MCH	6.463,7	84,6	24,6	9,9	40,3
VNM	4.634,6	51,3	11,9	3,7	31,7
MSN	4.013,5	74,9	22,4	2,9	14,4
SAB	2.327,9	41,4	12,7	2,8	22,0
PNJ	1.276,6	1,0	9,3	2,3	28,0

### Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.886,0		16,4	1,6	11,5
BSR	5.418,9	47,5	10,9	2,1	21,5
PLX	2.026,4	6,0	30,0	2,1	7,0
PVS	751,5	33,5	10,2	1,3	13,1
PVD	648,0	41,5	14,4	1,0	7,1
OIL	584,9	6,4	16,7	1,4	8,6

### Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.464,4		13,5	2,2	17,0
GAS	7.788,1	46,9	17,7	3,0	17,3
POW	1.566,8	45,7	12,0	1,1	9,2
REE	1.203,9	0,0	12,1	1,5	12,8
PGV	976,9	50,0	5,9	1,4	26,2
DNH	785,9	0,0	19,7	3,9	19,3

### Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	18.390,6		35,9	4,3	26,9
VIC	60.571,4	44,9	137,4	10,8	8,0
VHM	23.707,1	42,4	9,6	2,4	27,8
KSF	2.856,4	50,0	5,9	4,3	68,2
VRE	2.692,1	36,6	10,3	1,4	14,6
BCM	2.126,2	33,1	16,4	2,6	15,6

### Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.536,7		9,5	1,5	17,6
VCB	19.576,4	9,7	14,4	2,2	16,1
BID	11.610,5	12,4	9,6	1,7	18,4
CTG	9.998,1	5,0	6,9	1,4	21,9
TCB	8.529,9	0,3	8,6	1,3	15,6
VPB	7.968,6	5,6	8,0	1,2	16,4

### Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.610,1		30,5	4,6	49,8
VPL	6.230,8	47,2	65,1	4,3	6,9
MWG	4.349,2	0,1	14,1	3,2	25,4
VJC	4.147,0	23,7	43,0	4,2	10,1
HVN	2.516,6	21,7	7,0	6,4	181,3
FRT	807,1	17,6	23,3	4,8	25,1

### Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.743,3		16,2	4,3	27,3
HPG	6.463,7	27,4	24,6	9,9	40,3
GVR	4.634,6	12,4	11,9	3,7	31,7
MSR	4.013,5	99,5	22,4	2,9	14,4
KSV	2.327,9	0,0	12,7	2,8	22,0
DCM	1.276,6	39,9	9,3	2,3	28,0

### Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.886,0		16,4	1,6	11,5
DHG	5.418,9	46,0	10,9	2,1	21,5
IMP	2.026,4	5,2	30,0	2,1	7,0
DHT	751,5	9,3	10,2	1,3	13,1
DVN	648,0	0,0	14,4	1,0	7,1
DBD	584,9	84,3	16,7	1,4	8,6

### Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.464,4		13,5	2,2	17,0
FPT	7.788,1	19,6	17,7	3,0	17,3
CMG	1.566,8	13,2	12,0	1,1	9,2
SAM	1.203,9	48,5	12,1	1,5	12,8
SGT	976,9	-5,5	5,9	1,4	26,2
ELC	785,9	46,9	19,7	3,9	19,3

Nguồn: Fiiipro, Vietcap

\* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

\*\* ngoại trừ ngân hàng

See important disclosure at the end of this document

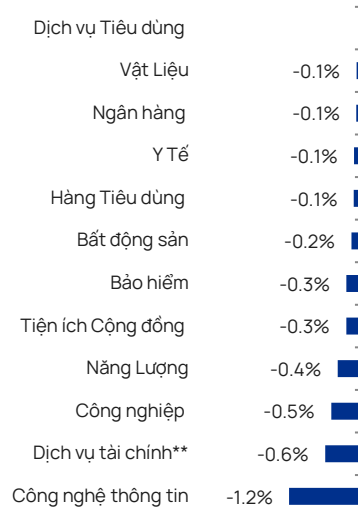
[www.vietcap.com.vn](http://www.vietcap.com.vn)

5/6/2026 | 20

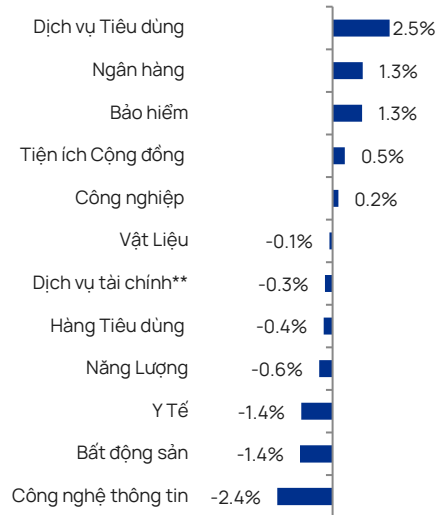
## Diễn biến hằng ngày theo ngành

### Sàn giao dịch chứng khoán

#### Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

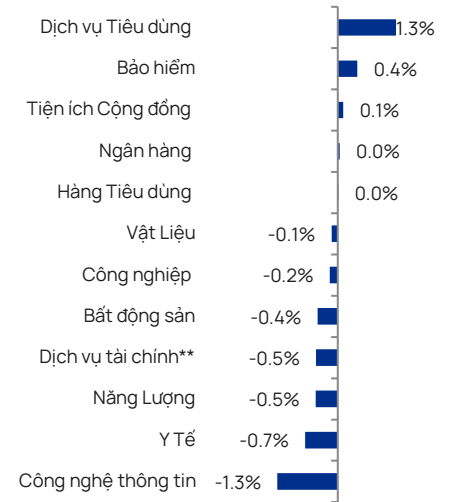


### Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



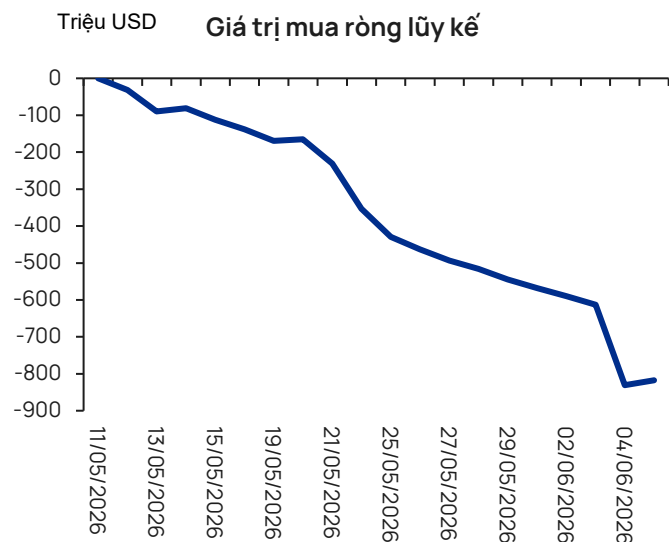
### Sàn giao dịch chứng khoán

#### Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



### GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

#### (HSX, HNX, UPCOM)

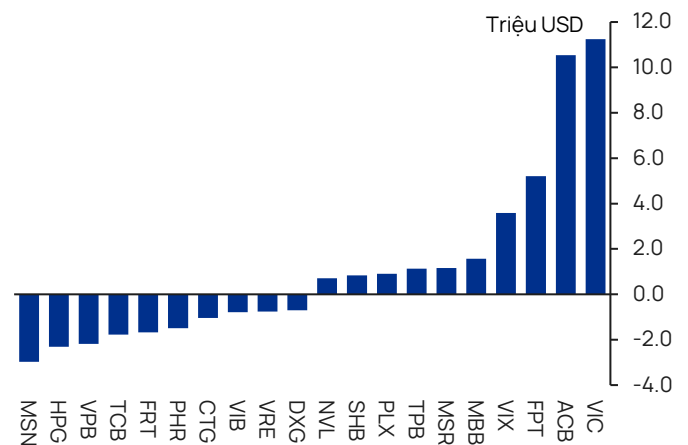


Nguồn: HSX, HNX, Fiiopro

\*\* ngoại trừ ngân hàng

### Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

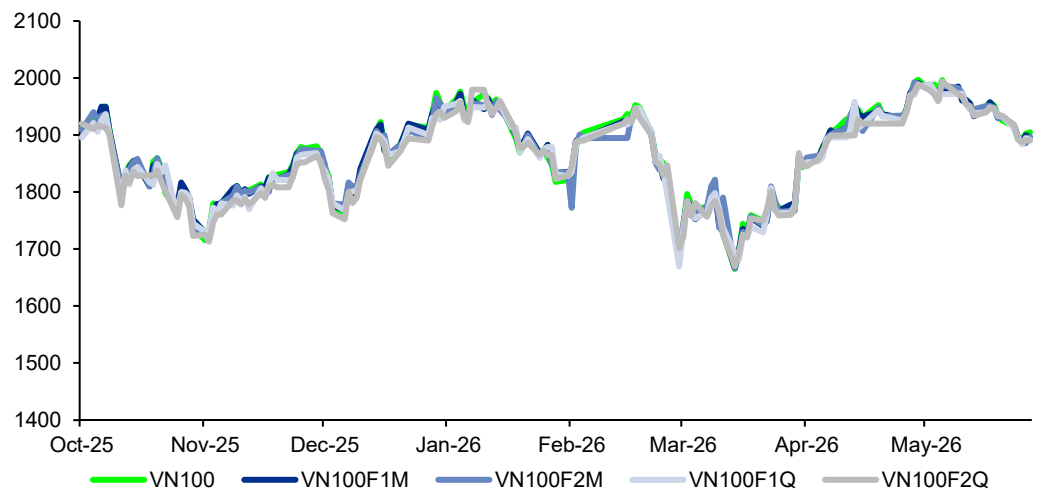
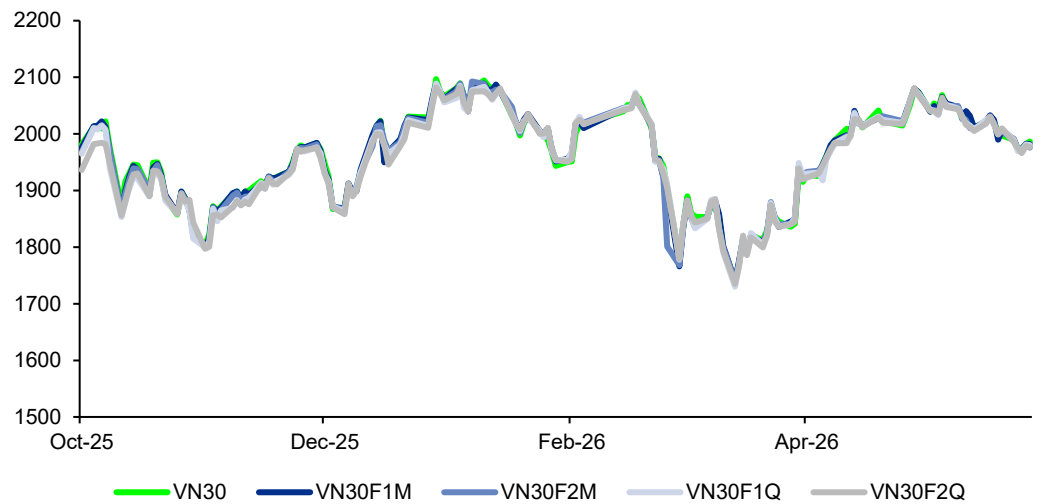
#### (HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



## Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.982,0	-0,4	0,0%	-4,3
VN30F2M	1.975,6	-6,5	-0,3%	-10,7
VN30F1Q	1.980,0	-0,7	0,0%	-6,3
VN30F2Q	1.976,9	-1,7	-0,1%	-9,4
VN100F1M	1.896,2	-3,6	-0,2%	-8,4
VN100F2M	1.896,3	10,7	0,6%	-8,3
VN100F1Q	1.891,5	-3,0	-0,2%	-13,1
VN100F2Q	1.890,0	-0,5	0,0%	-14,6

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	37.028	-1,2%	131,25	-26,2%
VN30F2M	1.058	12,9%	0,26	-32,0%
VN30F1Q	498	0,2%	0,02	-77,6%
VN30F2Q	173	10,9%	0,04	-38,8%
VN100F1M	31	-18,4%	0,05	7,0%
VN100F2M	4	0,0%	0,00	200,0%
VN100F1Q	16	0,0%	0,00	-33,3%
VN100F2Q	9	-10,0%	0,02	433,3%

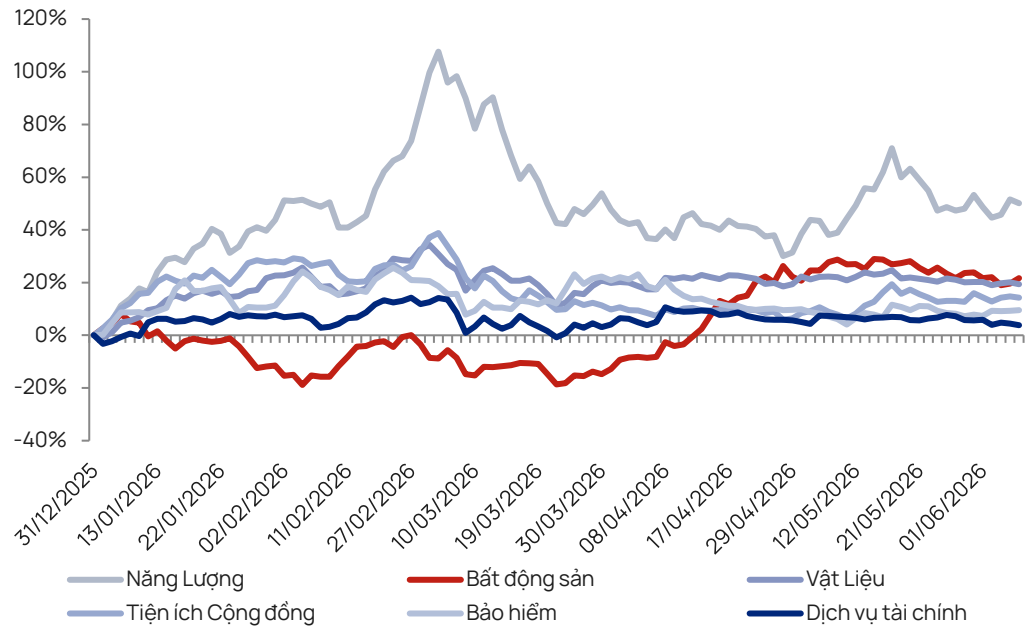


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

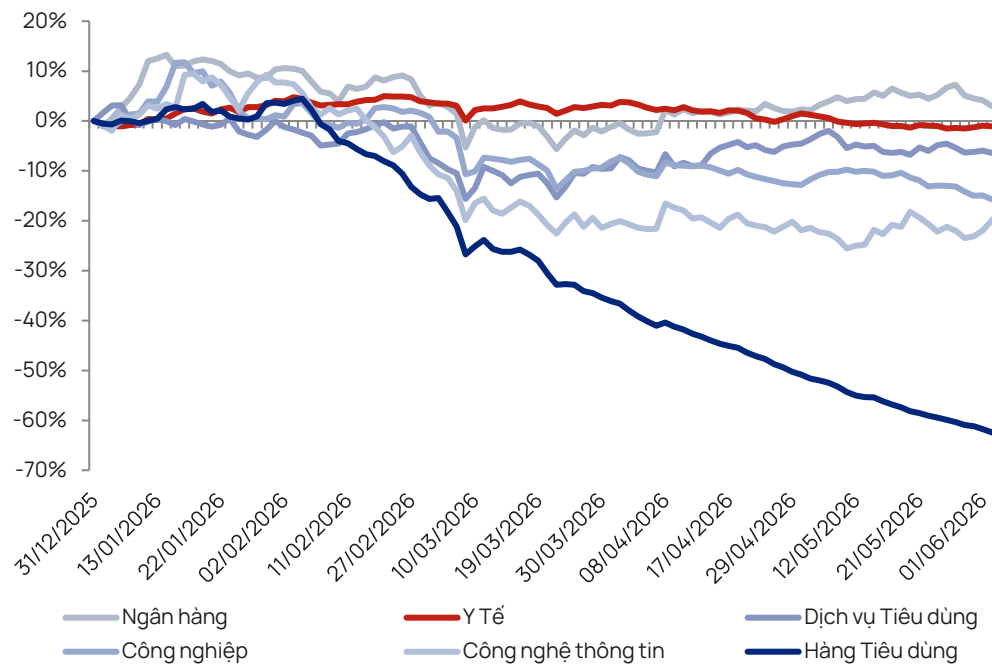
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng  
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng  
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý  
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

## Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

### 6 nhóm ngành tích cực nhất\*



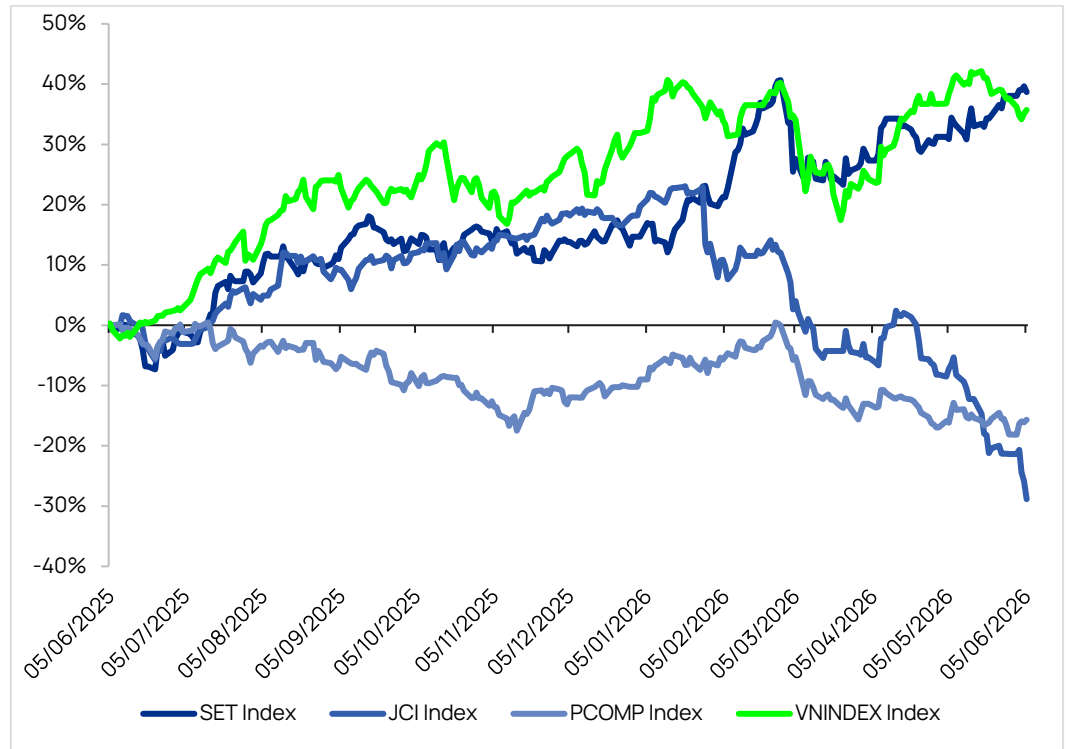
### 6 nhóm ngành kém tích cực nhất\*



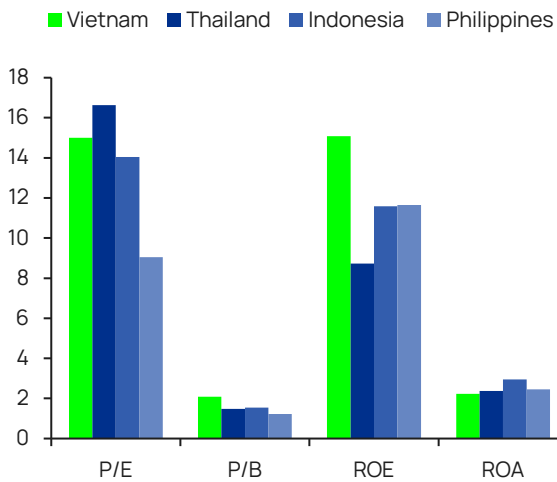
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

\* Phân ngành theo ICB

## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,6	14,0	9,0	15,0
P/B	1,5	1,5	1,2	2,1
ROE (%)	8,7	11,6	11,6	15,1
ROA (%)	2,4	3,0	2,5	2,2
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	610,9	573,2	138,7	323,8
GTGD trung bình, tr USD	1.454,6	1.159,1	81,6	1.027,3
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	888,2	-3.358,5	-237,0	-2.661,8
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	218,1	(204,0)	(13,8)	(288,8)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,74%	6,93%	7,18%	4,13%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

## Liên hệ

### CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

#### Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,  
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM  
+84 28 3914 3588

#### Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,  
Phường Sài Gòn, Tp. HCM  
+84 28 8882 6868

#### Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A - Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)  
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)  
+84 28 8882 6868

#### Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,  
Phường Sài Gòn, TP. HCM  
+84 28 8882 6868

#### Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6  
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội  
+84 24 6262 6999

### Phòng Nghiên cứu và Phân tích

**Research Team:** +84 28 3914 3588  
research@vietcap.com.vn

**Hoàng Nam**  
**Giám đốc, ext 124**  
nam.hoang@vietcap.com.vn

#### Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

**Huyền Thị Hồng Ngọc,**  
**Trưởng phòng, ext 138**  
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364  
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516  
- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

**Vĩ mô**  
**Hoàng Thúy Lương**  
**Trưởng phòng cao cấp, ext 368**  
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

#### Hàng tiêu dùng

**Hoàng Nam**  
**Giám đốc, ext 124**  
- Bùi Xuân Vinh, Chuyên viên cao cấp, ext 584  
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532  
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

**Dầu khí, Điện và Nước**  
**Đinh Thị Thùy Dương**  
**Phó Giám đốc, ext 140**  
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135  
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181  
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

#### Bất động sản

**Lưu Bích Hồng**  
**Trưởng phòng cao cấp, ext 120**  
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149  
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

**Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng**  
**Nguyễn Thảo Vy**  
**Trưởng phòng cao cấp, ext 147**  
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191  
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

#### Khách hàng cá nhân

**Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363**  
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129  
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366  
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570  
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

### Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng tổ chức

**Anthony Le**  
**Giám đốc**  
**Phòng Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng tổ chức**  
+84 28 3914 3588, ext 525  
anthony.le@vietcap.com.vn

**Châu Thiên Trúc Quỳnh**  
**Giám đốc điều hành**  
**Phòng Tư Vấn Đầu Tư**  
+84 28 3914 3588, ext 222  
quynh.chau@vietcap.com.vn

## Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

**Rủi ro:** Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.